

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 20/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Xuân Lai.

- Bà Trần Thị Thuý.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh P tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Sơn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/11/1993 tại: G; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thủ T, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Lê Hạ Q, sinh năm 1995. Có 02 con sinh năm 2016 và 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/01/2022.

Bị cáo bị dẫn giải có mặt.

*** Người bị hại:** Bà Phan Thị Bích H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Quách Nguyễn Anh C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Lê Hạ Quyên, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu phố B, Phường H, thị xã Đ, tỉnh P. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

4. Anh Lê Đình Biên, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh P. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

5. Bà Trần Thị Ánh, sinh năm 1963. Địa chỉ: 196, đường L, Phường 4, thành phố T, tỉnh P. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985. Địa chỉ: 01/5 đường L, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

7. Anh Huỳnh Hữu N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh P. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Tống Phước T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Văn Tiến, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Châu Toại, sinh năm 1974. Địa chỉ: 107 L, Phường T, thành phố T, tỉnh P. Vắng mặt.

5. Ông Ngô Tấn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2021, Nguyễn Văn T đến tiệm tạp hóa của bà Phan Thị Bích H ở khu phố S, thị trấn H, huyện S, T giới thiệu với bà H gia đình T có Công ty trách nhiệm hữu hạn N do vợ T là Nguyễn Lê Hạ Q làm giám đốc, ngành nghề kinh doanh mua bán thuốc lá điều sản xuất tại Việt Nam với số lượng lớn, thuốc lá do Công ty T phân phối là thật, có tem chống hàng giả. Hiện tại, T muốn mở đại lý phân phối thuốc lá điều tại huyện S, căn cứ trên doanh thu bán được T sẽ chiết khấu hoa hồng cho bà H 08%, T đưa cho bà H xem các mẫu gói thuốc lá 555 ngắn, 555 cao, Caraven A, Whitehorse, Cotab đều có mã vạch, tem nhãn, do đó bà H tin tưởng thuốc lá do T cung cấp là thật nên đồng ý. Đến ngày 06/01/2021, T cầm Hợp đồng mua bán số 03-21/HĐMB/DR./HĐMB do T đánh máy sẵn, giả chữ ký của Quyền và đóng dấu Công ty N đến đưa cho bà H ký hợp đồng (Công ty N đã giải thể năm 2018), bà H tin tưởng nên đã ký hợp đồng mua bán thuốc lá với T, giữa T và bà H thống nhất khi nào bà H chuyển tiền thì T sẽ giao cho bà H số thuốc lá tương ứng với số tiền mà bà H đã chuyển cho T. Thời gian từ ngày 26/01/2021 đến ngày 01/4/2021, bà H đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Quyền và của T tại Ngân hàng Vietcombank theo yêu cầu của T và trực tiếp đưa cho T với tổng số tiền 1.729.200.000 đồng để mua thuốc lá theo nội dung hợp đồng đã ký. Toàn bộ số thuốc lá (555 ngắn, 555 cao, Caraven A, Whitehorse) mà

T đã bán cho bà H, T khai đã mua của người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) ở tỉnh Gia Lai, T được hưởng tiền hoa hồng 15% trên tổng giá trị thuốc lá đã mua của người phụ nữ này và T mua của bà Trần Thị A ở thành phố T, tỉnh P thuốc lá hiệu Cotab. Sau mỗi lần nhận tiền của bà H, T liên hệ mua thuốc lá rồi tự điều khiển xe ô tô 16 chỗ hiệu Ford, biển kiểm soát 78B- 010.39 (xe ô tô của gia đình T) hoặc thuê anh Lê Đình Biên ở huyện Tây Hòa điều khiển và cùng T chở thuốc lá đi giao cho bà H. Quá trình mua bán thuốc lá với bà H, T thuê Nguyễn Thanh P ở huyện S làm nhân viên đi tiếp thị chào hàng và lấy đơn hàng của khách hàng đặt mua thuốc lá mang về đưa cho bà H nhằm mục đích để bà H bán được nhiều thuốc lá, số thuốc lá bà H mua của T đã đem bán gần hết, chỉ còn lại 1.930 bao thuốc lá loại 20 điều/bao (gồm: 250 bao 555 loại bao cao; 830 bao 555 loại bao ngắn và 850 bao thuốc lá điều hiệu Caraven A). Ngày 12/5/2021, Đội Quản lý thị trường số 5, tỉnh P kiểm tra phát hiện số thuốc lá này là giả nên đã tạm giữ và chuyển cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận giám định số 639/C09C-Đ2, ngày 25/6/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: 1.930 bao thuốc lá loại 20 điều/bao (gồm: 250 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 loại bao cao; 830 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 loại bao ngắn và 850 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Caraven A) thu giữ tại nhà bà H đều là hàng giả.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S xác định trị giá 1.930 bao thuốc lá là 46.740.000 đồng.

Tại các bút lục: 98, 99; 227 đến 265; 288 đến 326; 331, 332; 353 đến 363, Bị can Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị can đã bồi thường cho bị hại Phan Thị Bích H số tiền 80.000.000 đồng và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

* Vật chứng vụ án:

- 1.930 bao thuốc lá điều thu giữ tại nhà bà Phan Thị Bích H, qua trình giám định còn lại 1.780 bao;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh T Q, do T tự đăng ký lần đầu vào ngày 12/8/2019, tại tỉnh Gia Lai;

- 01 bản sao kê tài khoản số 0751000057899, của Nguyễn Văn T tại Ngân hàng Vietcombank;

- 01 Hợp đồng phân phối số 16/NPP/2021, sản phẩm thuốc lá điều tại tỉnh Phú Yên.

- 01 Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/20 về mua bán sản phẩm thuốc lá điều.

Đối với chiếc xe ô tô hiệu Ford, biển số 78B- 010.39, bị can Nguyễn Văn T sử dụng để vận chuyển thuốc lá bán cho bà H. T khai khoảng tháng 11/2021, T đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Huỳnh Hữu N, ở huyện P, tỉnh P. Sau đó anh N đã đem bán phế liệu. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh, thông báo truy tìm

vật chứng nhưng không thu giữ được.

Quá trình mua bán thuốc lá với bà H, T khai đã thuê máy tính, máy in của một tiệm photo copy ở khu vực gần chợ Sông Hình để soạn thảo hợp đồng mua bán và hai biên lai thu tiền, mục đích để cho bà H tin tưởng ký kết hợp đồng. Tuy nhiên qua điều tra, xác minh không xác định được địa chỉ cụ thể của tiệm photo copy như T đã khai nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 27/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh P truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố về tội Buôn bán hàng giả là đúng không oan sai. Tại phiên toà bị cáo nhờ gia đình tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 7.011.000 đồng xin Toà án giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại bà Phan Thị Bích H trình bày: Bà không biết số thuốc lá T bán là hàng giả, bị cáo đã bồi thường số tiền 80.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội Đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Nguyễn Anh C trình bày trong hồ sơ vụ án: Ông là chồng bà H, việc mua bán với T do bà H trực tiếp thực hiện ông không liên quan. Hiện bị cáo đã bồi thường nên không có yêu cầu gì khác, xin giảm nhẹ cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Lê Hạ Q trình bày: Chị là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T, việc T bán hàng giả cho bà H chị không biết, chỉ biết là chồng làm ăn nên có bà H chuyển tiền vào. Đây là hành vi phạm tội của anh T, chị không biết nên mong Toà xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P trình bày trong hồ sơ vụ án: T thuê anh tiếp thị chào hàng để lấy đơn hàng, anh không biết thuốc lá là giả đề nghị Toà án xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình Đ trình bày trong hồ sơ vụ án: Anh được T Thuê làm công chạy xe, anh Không biết Thuốc lá là giả đề nghị Toà án xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A trình bày trong hồ sơ vụ án: T có mua thuốc Cotab tại cửa hàng của bà để bán lại, Số thuốc lá giả T bán cho bà H không phải là của bà bán cho T, bà không liên quan đến sự việc phạm tội của T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D trình bày trong hồ sơ vụ án: Anh là anh ruột của bị cáo, bị cáo nhờ gia đình bồi thường cho bà H số tiền 80.000.000 đồng mong Toà án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hữu N trình bày trong hồ sơ vụ án: Tháng 11/2021, T đã bán xem mô tô 78B-010.39 cho anh. Sau đó

anh đã mang bán phở liệu.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/01/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số thuốc lá là hàng giả. Tuyên tịch thu số tiền thu lợi bất chính bị cáo tự nguyện nộp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng từ tháng 01/2021, Nguyễn Văn T làm giả Hợp đồng mua bán số 03-21/HĐMB/DR./HĐMB do T đánh máy sẵn, giả chữ ký của Quyền và

đóng dấu Công ty Thịnh Ngân Hà đến đưa cho bà H ký hợp đồng (công ty N đã giải thể năm 2018), bà H tin tưởng nên đã ký hợp đồng mua bán thuốc lá với T, giữa T và bà H thống nhất khi nào bà H chuyển tiền thì T sẽ giao cho bà H số thuốc lá tương ứng với số tiền mà bà H đã chuyển cho T.

Ngày 12/5/2021, Đội Quản lý thị trường số 5, tỉnh P kiểm tra tiệm tạp hoá Chương H tại Khu phố 6, thị trấn H phát hiện 1.930 bao thuốc lá loại 20 điều/bao do T bán cho bà H (gồm: 250 bao 555 loại bao cao; 830 bao 555 loại bao ngắn và 850 bao thuốc lá điều hiệu Caraven A) nghi là giả nên đã tạm giữ và chuyển cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận giám định số 639/C09C-Đ2, ngày 25/6/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: 1.930 bao thuốc lá loại 20 điều/bao (gồm: 250 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 loại bao cao; 830 bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555 loại bao ngắn và 850 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Caraven A) thu giữ tại nhà bà H đều là hàng giả.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S xác định trị giá 1.930 bao thuốc lá là 46.740.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T biết rõ nguồn gốc bất chính của thuốc lá mua lại của một người không rõ họ tên địa chỉ, có thủ đoạn gian dối làm cho bà Phan Thị Bích H không biết nguồn gốc bất chính số thuốc lá bán cho bà H là thuốc lá giả để bà H mua thuốc lá là hàng giả trị giá 46.740.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng giả” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Bà H, ông Chương, chị Quyên, anh Phong, anh Biên không biết số thuốc lá T bán là giả nên không đồng phạm với T trong vụ án này.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại tài sản cho người tiêu dùng. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái nhưng vì vụ lợi, bị cáo cố ý phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với mức độ hành vi phạm tội gây ra.

[4] Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Không;

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại bà H với số tiền 80.000.000 đồng, được bà H xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 7.011.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản

1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đã bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của người bị hại nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Vì bị cáo không có nghề nghiệp, kinh tế khó khăn phải bán nhà trả nợ, hiện không có nơi cư trú ổn định, phải nuôi hai con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo và bị hại về việc bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 80.000.000 đồng.

[6] Về biện pháp cưỡng chế: Căn cứ các Điều 130, 278 Bộ luật tố tụng hình sự; huỷ bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản 0751000057899 của Nguyễn Văn T và tài khoản 0751000053543 của Nguyễn Lê Hạ Quyên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên đối với số tiền 45.993.000 đồng theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 08 và 09 ngày 31/12/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S..

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số thuốc lá là vật chứng vụ án; tịch thu số tiền thu lợi bất chính bị cáo tự nguyện nộp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Buôn bán hàng giả”;
- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/01/2022.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại về việc bồi thường, khắc phục cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng (đã bồi thường xong).

- **Về biện pháp cưỡng chế:** Áp dụng các Điều 130, 278 Bộ luật tố tụng hình sự; huỷ bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản 0751000057899 của Nguyễn Văn T và tài khoản 0751000053543 của Nguyễn Lê Hạ Quyên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên đối với số tiền 45.993.000 đồng theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 08 và 09 ngày 31/12/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- + Tịch thu tiêu huỷ 1780 Bao thuốc lá điều loại 555 và Caraven A (Có đặc

điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/3/2022 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.011.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội theo biên lai thu tiền số 0000619 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Bị cáo bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND H.Sông Hình (2);
- Công an H.Sông Hình;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lưu Chúc

